

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 1 – ĐỒNG THÁP**

Bản án số: **161/2025/HNGĐ-ST**

Ngày: 25/12/2025

V/v tranh chấp “Yêu cầu
không công nhận vợ chồng”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 1 – ĐỒNG THÁP**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quang Minh.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Ngọc Đào.

2. Ông Nguyễn Kim Huy Bằng.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Nhật Minh - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Tháp.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Tháp: Ông Phạm Minh Thanh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 25 tháng 12 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Tháp xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 319/2025/TLST-HNGĐ ngày 13 tháng 10 năm 2025 về tranh chấp “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 497/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 09 tháng 12 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Nguyễn Hồng D, sinh năm 1968;

Địa chỉ: Số 235, Đường Th, phường M, tỉnh Đồng Tháp.

- Bị đơn: Nguyễn Thị Thu H, sinh năm 1970;

Địa chỉ: Số 235, Đường Th, phường M, tỉnh Đồng Tháp.

(Ông D, bà H có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*. Theo Đơn khởi kiện và bản tự khai, ông Nguyễn Hồng D trình bày:

Ông và bà H sau quá trình quen biết, tìm hiểu đã tổ chức lễ cưới vào năm 1991 theo phong tục địa phương nhưng không có đăng ký kết hôn. Thời gian đầu ông bà sống hạnh phúc đến năm 2022 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, tính tình không hoà hợp nên thường xuyên cãi vã, ông bà đã ly thân từ năm 2022 đến nay. Nay tình cảm không còn, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được.

Nay ông yêu cầu Toà án giải quyết:

- Về hôn nhân: Không công nhận ông Nguyễn Hồng D và bà Huỳnh Thị Thu H là vợ chồng.

- Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Hồng Qu, sinh năm 1992 và Nguyễn Hồng Tr, sinh năm 1999 hiện đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Bị đơn bà Huỳnh Thị Thu H thống nhất với lời trình bày của ông Nguyễn Hồng D về quá trình chung sống, con chung, tài sản chung và nợ chung, bà đồng ý với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, yêu cầu không công nhận bà và ông Nguyễn Hồng D là vợ chồng.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 1 – Đồng Tháp tham gia phiên tòa có ý kiến phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử; Thư ký và những người tham gia tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến trước khi xét xử, Thẩm phán và Thư ký chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về việc giải quyết vụ kiện: Căn cứ vào các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, xét thấy ông Nguyễn Hồng D và bà Huỳnh Thị Thu H có mâu thuẫn kéo dài không hàn gắn được, đồng thời ông D và bà H chung sống với nhau từ năm 1991 không đăng ký kết hôn nên việc ông D yêu cầu không công nhận vợ chồng với bà H; về con chung, về tài sản chung và nợ chung không yêu cầu Tòa án giải quyết là có cơ sở, đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông D.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Qua nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về tố tụng: Tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp “Ly hôn”, căn cứ quy định tại khoản 8 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 1 – Đồng Tháp.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét quan hệ hôn nhân giữa ông Nguyễn Hồng D và bà Huỳnh Thị Thu H: Căn cứ Biên bản xác minh ngày 27/11/2025, Ủy ban nhân dân phường M, tỉnh Đồng Tháp xác nhận các đương sự có cư trú tại địa phương và chung sống với nhau nhưng không có thông tin đăng ký kết hôn của ông D và bà H. Do đó, trên cơ sở lời khai của các đương sự, các chứng cứ đã được thẩm định, đủ cơ sở để khẳng định giữa ông D và bà H có quá trình chung sống như vợ chồng nhưng không thực hiện đăng ký kết hôn tại cơ quan nhà nước có thẩm quyền và chỉ tổ chức đám cưới theo phong tục tập quán phù hợp với thực tế địa phương vào năm 1991.

[2.2] Theo quy định của Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986 (Luật có hiệu lực tại thời điểm các đương sự sống chung) quy định:

“Điều 8: Việc kết hôn do UBND xã, phường, thị trấn, nơi thường trú của một trong hai người kết hôn công nhận và ghi vào sổ kết hôn theo nghi thức do Nhà nước quy định.

... Mọi nghi thức kết hôn khác đều không có giá trị pháp lý.”

Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:

“Điều 9: Đăng ký kết hôn: 1. Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của luật này và pháp luật của hộ tịch.

Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý.”

“Điều 14: Giải quyết hậu quả của việc nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn.

1. Nam, nữ có đủ điều kiện kết hôn theo quy định của luật này chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không làm phát sinh quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng. Quyền, nghĩa vụ đối với con, tài sản, nghĩa vụ và hợp đồng giữa các bên được giải quyết theo quy định tại Điều 15 và Điều 16 của Luật này.”

Như vậy, ông D và bà H có thời gian chung sống như vợ chồng, có làm đám cưới nhưng không có đăng ký kết hôn nên không phát sinh các quyền, nghĩa vụ giữa vợ và chồng do không được pháp luật hôn nhân và gia đình công nhận.

Nay nguyên đơn yêu cầu không công nhận vợ chồng, việc yêu cầu của nguyên đơn được bị đơn đồng ý, Hội đồng xét xử căn cứ Luật hôn nhân và gia đình năm 1986 và năm 2014; điểm b, c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10, khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TATC-VKSTC-BTP ngày 01/6/2016 hướng dẫn luật hôn nhân và gia đình: Tuyên bố không công nhận vợ chồng giữa các đương sự là phù hợp.

- Về con chung: Ông D, bà H có hai con chung đã trưởng thành, không yêu cầu Toà án giải quyết.

- Về tài sản chung, nợ chung: Ông D, bà H không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đặt ra xem xét trong vụ án.

[3] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của HĐXX nên được chấp nhận.

[4] Về án phí: Nguyên đơn phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo qui định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 8 Điều 28, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 39 Bộ luật dân sự năm 2015;

Căn cứ Điều 8 Luật Hôn nhân và gia đình năm 1986; khoản 1 Điều 9, khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm b, c khoản 3 Nghị quyết số 35/2000/NQ-QH10 ngày 09/6/2000 về việc thi hành Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 3 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT-TATC-VKSTC-BTP ngày 01/6/2016 hướng dẫn luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày

30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Hồng D.

1/ Về quan hệ hôn nhân: Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa ông Nguyễn Hồng D và bà Huỳnh Thị Thu H.

2/ Về con chung: Đã trưởng thành, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3/ Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4/ Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

5/ Về án phí: Ông Nguyễn Hồng D phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân sơ thẩm. Ông D đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0004332 ngày 13/10/2025 của Thị hành án dân sự tỉnh Đồng Tháp nên đã thực hiện xong.

6/ Các đương sự có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết để yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Đồng Tháp xét xử theo trình tự phúc thẩm./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- VKSND khu vực 1 – Đồng Tháp;
- THADS tỉnh Đồng Tháp;
- Đương sự.
- Lưu hồ sơ, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Trần Quang Minh

